

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

ngày 07/9/2018

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Ngô Văn Hoàn
2. bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: ông Phan Vũ Hoàng - Thư ký TAND huyện Thạch An;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa: bà Triệu Thị Biển – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi T

Trú tại: Thôn B xã C huyện C tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: anh Bùi C

Trú tại: Bản L xã Đ huyện T tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2018, trong quá trình giải quyết, xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bùi T trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Bùi C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 15/5/2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống chung nhà với bố mẹ chồng ở Bản L xã Đ. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, có với nhau một con chung. Đến tháng 3 năm 2015 thì xin được việc làm ở SamSung Thái Nguyên, còn anh C thì ở nhà nuôi con. Đến tháng 6 năm 2015 sau khi xây nhà xong thì vợ chồng và con chuyển về sinh sống ở Thái Nguyên. Trong quá trình sinh sống ở Thái Nguyên, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C hay qua lại với người yêu cũ và đánh chửi tôi, nên tôi đã tự thuê nhà sống ly thân tháng 3 năm 2018 đến nay. Tôi xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Bùi C.

[1.2] Về con chung: Tôi với anh Bùi C có 01 con chung tên là Bùi N sinh ngày 06/12/2013. Hiện nay con đang ở với anh Bùi C. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[1.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng của vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn là anh Bùi C trình bày: Về điều kiện kết hôn và con chung đúng như chị T trình bày. Nhưng lý do ly hôn chị T nêu ra là không đúng. Trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc to tiếng với nhau xuất phát từ nguyên nhân nhỏ nhặt nhưng chị T đã tự ý bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với chồng con và gia đình, bỏ lại con cho tôi nuôi. Tôi xác định tình cảm vợ chồng chưa mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tôi vẫn yêu thương và quý trọng chị T, tôi mong chị T suy nghĩ theo chiều hướng tích cực, quay về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, của những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân và con chung: chị Bùi T và anh Bùi C và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Đ, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã có với nhau 01 con chung tên là Bùi N sinh ngày 06/12/2013. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có những bất đồng nhỏ nhặt, hiểu lầm nhau nên chị T đã bỏ nhà sống ly thân tháng 3 năm 2018 đến nay để mặc cho anh C tự nuôi con một mình. Sau khi chị T bỏ đi, anh C đã tìm mọi cách liên lạc với chị T để hàn gắn tình cảm nhưng không được chị T chấp nhận. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị chị T quay về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy anh C và chị T không có hành vi ngược đãi, hành hạ, bạo lực gia đình, hôn nhân chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể khắc phục và quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu đoàn tụ gia đình của anh Bùi C là có căn cứ, còn yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi T là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về tài sản chung và các khoản nợ chung, riêng: Các đương sự xác nhận

không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bác yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi T đối với anh Bùi C.

[2] Về án phí: chị Bùi T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AB/2012/02058 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị Bùi T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Đức Long;
- UBND xã Cẩm Thạch;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thanh Điệp